TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/11/2020.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **An Văn Khoái**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Hoài.
2. Ông Đào Đình Phúc.

- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Hùng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện *tham gia phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị T** , sinh năm: 1983
ĐKHKTT: Thôn A N, xã T C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.
- *Bị đơn*: Anh **Đoàn Văn V**, sinh năm: 1983
ĐKHKTT: Thôn A N, xã T C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày*:**

Chị và anh Đoàn Văn V kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 23/10/2009. Sau khi kết hôn, do kinh tế gia đình cũng như đặc thù công việc nên anh chị thường xuyên phải đi làm ăn xa nhà, tính đến thời điểm này hai vợ chồng chưa có thời gian nào sống gần nhau quá 02 năm. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh V đã nhiều lần đánh chị kể cả trước

mặt các con khiến các con rất sợ hãi, có lần anh V đánh chị bị thương nên chị phải vào bệnh viện điều trị. Do sợ hãi chị đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, được một thời gian thì mẹ đẻ anh V đến đón cháu L về cho đi học còn cháu M để chị nuôi dưỡng, thời gian gần đây anh V đón cả cháu M về nuôi dưỡng, cách đây mấy ngày chị đã đón cháu M về chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị và anh V đã ly thân hơn một năm nay, trong quá trình ly thân anh V có đến tìm nhưng chị không về. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về quan hệ con chung: Chị và anh V có 02 con chung gồm: Đoàn Hải L, sinh ngày 03/9/2010 và Đoàn Tiến M, sinh ngày 29/01/2015 (cháu L đang ở với anh V, cháu M đang ở với chị T). Ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Hiện chị đang làm tại công ty điện tử AGTECH, mức thu nhập bình quân là 20 triệu đồng/ tháng, chị đang đi thuê nhà tại Hà Nội. Chị đảm bảo đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong bản tự khai, quá trình khai tại Toà án và tại phiên toà bị đơn anh Đoàn Văn V trình bày*:**

Về điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Anh xác định sau khi kết hôn anh và chị T tổ chức cuộc sống chung có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính nết vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh thừa nhận có lần anh tát chị T ba, bốn cái vì anh họ của anh mượn tiền nhưng chị T không giúp. Sau đó đến tháng 9/2019, chị T đã tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Quãng thời gian này anh có đến tìm chị T nhiều lần nhưng chị T cương quyết không về đoàn tụ cùng anh. Nay chị T cương quyết xin ly hôn, anh không đồng ý vì nghĩ tới các con nhỏ nên mong muốn đoàn tụ với chị T , tuy nhiên ngoài biện pháp tìm gặp nói chuyện, anh xác định không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung gồm: Đoàn Hải L, sinh ngày 03/9/2010 và Đoàn Tiến M, sinh ngày 29/01/2015 (cháu L đang ở với anh còn cháu M chị T mới đón cháu về nuôi dưỡng). Ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện tại anh đang làm nhân viên kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư phát triển và thương mại Phong V tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên với mức thu nhập bình quân hơn 20 triệu đồng/tháng anh cam kết có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung, vay nợ chung, công sức: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản xác M với UBND xã T C xác định: Anh V và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, thậm chí còn xô xát đánh nhau, chị T đã có lần yêu cầu Công an xã can thiệp. Hiện tại anh V và chị T đã sống ly thân nhau, không đoàn tụ lần nào. Nay chị T xin ly hôn anh V, địa phương đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải cho hai vợ chồng, nếu hòa giải không thành thì đề nghị giải quyết cho chị T được ly hôn anh V để ổn định cuộc sống cho mỗi người, tránh việc vợ chồng tiếp tục xô xát, đánh nhau gây thương tích và gây mất trật tự địa phương.

- Tại biên bản lấy lời khai cháu Đoàn Hải L xác định: Hiện tại cháu đang theo học lớp 5D, trường Tiểu học xã T C. Quá trình chung sống, cháu nhiều lần chứng kiến bố mẹ cháu đánh nhau và hiện tại bố mẹ không còn chung sống cùng nhau nữa. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố cháu là anh Đoàn Văn V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV QH 14 về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn V.

- Về con chung: Giao con chung là Đoàn Hải L, sinh ngày 03/9/2010, hiện đang ở với anh V cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung là Đoàn Tiến M, sinh ngày 29/01/2015, hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Văn V kết hôn trên cơ sở tự

nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 23/10/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức cuộc sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính nết không hợp nhau, không thống nhất được cách làm ăn kinh tế. Anh V thường xuyên chửi bới, đe dọa, đánh đập chị T . Có lần xảy ra thương tích dẫn đến chị T phải nhập viện điều trị tuy nhiên chị T không có đơn yêu cầu cơ quan chức năng xử lý anh V về hành vi bạo lực gia đình (Thể hiện qua các bản ảnh, trích nội dung tin nhắn anh V gửi cho chị T). Chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 9/2019, cũng từ đó đến nay chị T và anh V sống ly thân, không đoàn tụ lần nào. Anh V đã đến tìm chị T nhiều lần nhưng chị T cương quyết không về. Hiện tại anh V cũng không có biện pháp gì níu kéo hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh V đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh V không đồng ý ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị T nên cần áp dụng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho chị T được ly hôn anh V để bảo vệ quyền lợi của chị T và giúp chị T , anh V sớm ổn định cuộc sống riêng.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Đoàn Hải L, sinh ngày 03/9/2010 hiện đang ở với anh V; cháu Đoàn Tiến M, sinh ngày 29/01/2015, hiện đang ở với chị T .

Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T và anh V là như nhau, cả hai đều có việc làm ổn định, mức thu nhập bình quân tương đối cao. Vì vậy cần giao cho anh chị mỗi người 01 con chung để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Đối với cháu Tiến M vẫn còn nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ nhiều hơn nên cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Cháu Hải L có nguyện vọng xin được ở với bố. Hiện tại cháu Lam đang được anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, cho ăn học ổn định nên để cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung là Đoàn Hải L, sinh ngày 03/9/2010, hiện đang ở với anh V cho anh V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao con chung là Đoàn Tiến M, sinh ngày 29/01/2015, hiện đang ở với chị T cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị T và anh Đoàn Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AB/2017/0003244 ngày 12/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THÁ dân sự huyện Thanh Miện;
- UBND xã T C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

An Văn Khoái